

Số: 5/5 /TTr-UBND

Khánh Hòa, ngày 15 tháng 01 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua Chương trình phát triển đô thị thành phố Cam Ranh
đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 02/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/06/2009;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Nghị quyết số 117/NQ/CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ về việc ban hành kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 21/3/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị;

Căn cứ Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11/11/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định 376/QĐ-TTg ngày 04/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 29/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BXD ngày 08/9/2023 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về chương trình phát triển đô thị;

Căn cứ Quyết định số 3219/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 1899/QĐ-UBND ngày 19/7/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 1313/QĐ-UBND ngày 20/5/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt kế hoạch tổ chức lập Chương trình phát triển đô thị thành phố Cam Ranh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 124/NQ-HĐND ngày 22/11/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Cam Ranh về Chương trình phát triển đô thị thành phố Cam Ranh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Thông báo số 05/TB-UBND ngày 06/01/2025 của UBND tỉnh kết luận tại cuộc họp thông qua dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh và một số nội dung trình HĐND tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua hồ sơ Chương trình phát triển đô thị thành phố Cam Ranh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây viết tắt là Chương trình) với một số nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên chương trình

Chương trình phát triển đô thị thành phố Cam Ranh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Phạm vi, ranh giới nghiên cứu lập Chương trình

Phạm vi nghiên cứu lập Chương trình là toàn bộ diện tích thành phố Cam Ranh theo phạm vi lập Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa năm 2045 có diện tích là 33.708,75 ha. Thành phố Cam Ranh có vị trí tứ cận được xác định như sau:

- Phía Đông: giáp Biển Đông;
- Phía Tây: giáp huyện Khánh Sơn và huyện Bắc Ái – tỉnh Ninh Thuận;
- Phía Nam: giáp huyện Thuận Bắc – tỉnh Ninh Thuận;
- Phía Bắc: giáp huyện Cam Lâm.

3. Mục tiêu xây dựng chương trình phát triển đô thị

3.1 Mục tiêu tổng quát

- Cụ thể hóa định hướng phát triển hệ thống đô thị theo Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2045 và phù hợp với các chủ trương chính sách của tỉnh cũng như của thành phố.

- Đảm bảo sự phát triển của đô thị đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng là đô thị du lịch - logistics. Nâng cao chất lượng sống người dân đô thị, thông qua việc tập trung nguồn lực hợp lý để xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị và hạ tầng xã hội đô thị, kiến trúc cảnh quan phù hợp, đồng bộ, từng bước hiện đại và bền vững; đảm bảo tính kết nối giữa các khu vực trong đô thị theo quy hoạch được duyệt.

- Tạo cơ sở huy động nguồn lực đầu tư xây dựng phát triển đô thị tập trung, đúng lộ trình; đảm bảo nâng cao chất lượng, diện mạo kiến trúc cảnh quan đô thị theo hướng hiện đại, văn minh bền vững và giữ gìn những giá trị bản sắc văn hóa địa phương, tinh hoa đô thị.

- Rà soát tổng thể các tiêu chí về kinh tế – xã hội và hạ tầng đô thị, từ đó xây dựng kế hoạch, lộ trình khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn còn thiếu, chưa đạt chuẩn, đề xuất giải pháp huy động nguồn lực để đầu tư xây dựng phát triển hệ thống hạ kỹ thuật và hạ tầng xã hội và nâng cao tỷ lệ đô thị hóa trên địa bàn thành phố Cam Ranh.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình phát triển đô thị thành phố Cam Ranh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được xây dựng trên cơ sở triển khai rà soát tổng thể các tiêu chí, tiêu chuẩn về kinh tế – xã hội và hạ tầng đô thị, từ đó xây dựng kế hoạch, lộ trình khắc phục những tiêu chí còn thiếu, chưa đạt chuẩn, đề xuất giải pháp huy

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu quận	Hiện trạng 2023	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Đến năm 2040
14	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thành (*)	%	≥ 85	≥ 90	63,94	≥ 90	≥ 90	≥ 90
			80					
15	Cơ sở y tế cấp đô thị bình quân trên 10.000 dân	giường /10.000 dân	≥ 40	-	22,35	28	≥ 32	≥ 32
			28					
16	Cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị (*)	cơ sở	≥ 20	≥ 7	5	5	≥ 10	≥ 10
			10					
17	Trường THPT đạt chuẩn quốc gia (*)	%	-	Đáp ứng ≥ 60%	1/3 trường đạt chuẩn	2/3 trường đạt chuẩn	giữ ổn định tỷ lệ ≥ 60%	giữ ổn định tỷ lệ ≥ 60%
18	Công trình thể dục, thể thao cấp đô thị	công trình	≥ 7	-	2	3	≥ 5	≥ 7
			5					
19	Mật độ đường giao thông đô thị (tính đến đường có chiều rộng phần xe chạy từ 14m trở lên)	km/km ²	≥ 8	-	1,53	3,02	≥ 7	≥ 8
			6					
20	Mật độ đường giao thông đô thị (tính đến đường có chiều rộng phần xe chạy từ 6m trở lên) (*)	km/km ²	-	≥ 5	2,96	3,64	≥ 5	≥ 5
21	Tỷ lệ ngõ, ngách, hẻm được chiếu sáng (*)	%	≥ 90	-	70	≥ 80	≥ 90	≥ 90
			80					
22	Mật độ đường cống thoát nước chính	%	≥ 4,5	-	2,36	2,75	≥ 4,5	≥ 4,5
			4					
23	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh (*)	%	100	≥ 90	87	≥ 95	100	Duy trì 100%
			95					
24	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom (*)	%	100	≥ 90	89,4	90	100	100
			90					

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu quận	Hiện trạng 2023	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Đến năm 2040
25	Nhà tang lễ	cơ sở	≥ 4	-	0	3	4	≥ 4
			2					
26	Tỷ lệ sử dụng hình thức hòa táng (*)	%	≥ 30	≥ 30	0	5	≥ 30	≥ 30
			15					
27	Đất cây xanh sử dụng công cộng khu vực nội thành, nội thị bình quân đầu người	m ² /người	≥ 6	-	0,34	1	≥ 5	≥ 5
			5					
28	Đất cây xanh công cộng trên địa bàn quận bình quân đầu người (*)	m ² /người	-	≥ 4	0,87	≥ 1	≥ 5	≥ 5
29	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị (*)	%	≥ 50	≥ 40	0	0	≥ 40	≥ 50
			40					
30	Công trình xanh (*)	công trình	Có 02 công trình xanh	Có ≥ 01 công trình xanh đang làm hồ sơ cấp GCN hoặc đã được cấp GCN	0	0	Có 02 công trình	≥ 02 công trình
			Có 01 công trình xanh					
31	Cơ sở vật chất văn hóa	%	≥ 80	-	66,66	100	Không có khu vực ngoại thành	Không có khu vực ngoại thành
			70					
32	Nhà ở dân cư	%	100	-	66,66	100	Không có khu vực ngoại thành	Không có khu vực ngoại thành
			70					

Ghi chú: Bảng được lồng ghép các tiêu chuẩn của tiêu chí đô thị loại II với các tiêu chuẩn áp dụng đối với khu vực dự kiến thành lập quận (được đánh dấu *) và các chỉ tiêu phát triển đô thị được quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 06/2023/TT-BXD (Kí hiệu **)

5. Định hướng sắp xếp, thành lập chính đơn vị hành chính các xã, phường thuộc thành phố Cam Ranh

5.1. Định hướng giai đoạn đến năm 2025

Thực hiện theo Nghị quyết số 1196/NQ-UBTVQH15 ngày 28/9/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2023-2025; theo đó đến 2025, thành phố Cam Ranh không thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã.

5.2. Đề xuất tổ chức đơn vị hành chính giai đoạn 2026 – 2030

Giai đoạn 2026 - 2030 các xã ngoại thành phần đầu thành lập phường; đến năm 2030, phần đầu thành lập quận Cam Ranh thuộc thành phố Khánh Hòa trực thuộc Trung ương.

6. Các chương trình, kế hoạch phát triển các khu vực được xác định theo quy hoạch đô thị

6.1. Phân vùng phát triển đô thị theo quy hoạch được duyệt

Thành phố Cam Ranh được chia thành 09 khu vực phát triển đô thị, vùng cảnh quan và bảo vệ an ninh quốc phòng, như sau:

STT	Tên phân khu	Diện tích (ha)	Dân số	Chức năng
Tổng cộng		33.708,77	823.000	
1	Phân khu 1 - Khu đô thị Hành chính công cộng – Thương mại dịch vụ trung tâm	2.805,10	255.000	<ul style="list-style-type: none"> – Là trung tâm hành chính - chính trị, công cộng, giáo dục, văn hóa, thể dục thể thao, lịch sử của thành phố; – Là khu vực phát triển khu trung tâm kinh doanh, thương mại dịch vụ tổng hợp; – Là khu vực phát triển đô thị logistic gắn với phát triển du lịch lễ hội; – Là khu vực đan xen giữa đô thị mới và đô thị hiện hữu; – Là đầu mối giao thông quan trọng: đường bộ, đường sắt và đường thủy.
2	Phân khu 2 - Khu vực phát triển Du lịch văn hóa và Bảo tồn thiên nhiên	2.934,74	30.000	<ul style="list-style-type: none"> – Là trung tâm dịch vụ du lịch phát triển đa dạng các loại hình du lịch (văn hóa, du lịch sinh thái, du lịch khám phá, gắn kết và bảo tồn thiên nhiên,...).

STT	Tên phân khu	Diện tích (ha)	Dân số	Chức năng
				<ul style="list-style-type: none"> - Là khu vực có giao thông thuận tiện kết nối với các đầu mối giao thông quan trọng trong thành phố, đặc biệt là kết nối dễ dàng với trung tâm tài chính - thương mại - dịch vụ, khu hỗn hợp mật độ cao trên đường Nguyễn Văn Cừ và trung tâm văn hóa, công viên sinh thái, quảng trường biển nhằm thu hút khách du lịch sử dụng dịch vụ và lưu trú tại Cam Ranh.
3	Phân khu 3 - Khu đô thị sinh thái thương mại - dịch vụ hậu cần gắn với sân bay	2.176,51	160.000	<ul style="list-style-type: none"> Là khu đô thị logistics tổng hợp, hậu cần cảng hàng không quốc tế, cảng khách quốc tế đường thủy, bến xe. Là khu vực phát triển nhà ở sinh thái mật độ trung bình, phát triển thương mại dịch vụ. - Là khu vực cửa ngõ phía Bắc TP.Cam Ranh với vai trò đô thị du lịch, đón luồng khách lưu trú, ở lại Cam Ranh từ cảng hàng không quốc tế, cảng đường thủy .
4	Phân khu 4 -Khu đô thị Dịch vụ - Du lịch	2.200,20	78.000	<ul style="list-style-type: none"> - Là khu đô thị, thương mại dịch vụ, dịch vụ du lịch ven biển. - Là trung tâm đầu mối giao thông đường hàng không, đường biển. - Là khu nghỉ dưỡng cao cấp ven biển.
5	Phân khu 5 -Khu vực phát triển Du lịch, nông nghiệp và cảnh quan sinh thái	2.435,24	65.000	<ul style="list-style-type: none"> - Là khu làng xóm đô thị hóa từ đó hình thành các đơn vị ở thấp tầng xen kẽ giữa các khu đất nông nghiệp. - Là khu thoát lũ quan trọng của TP. Cam Ranh. - Là khu vực phát triển du lịch sinh thái, du lịch gắn với nông nghiệp.
6	Phân khu 6 -Khu đô thị Công nghiệp - Logistics	2.995,68	90.000	<ul style="list-style-type: none"> - Là khu đô thị công nghiệp, logistics. - Là khu vực bố trí các công trình đầu mối hạ tầng quan trọng.
7	Phân khu 7 - Khu đô thị - dịch vụ du lịch bán đảo	3.287,53	130.000	<ul style="list-style-type: none"> - Là khu đô thị du lịch bán đảo, ven vịnh. - Là đô thị cửa ngõ phía Nam thành

STT	Tên phân khu	Diện tích (ha)	Dân số	Chức năng
				phố Cam Ranh. - Là đô thị gắn với cảnh quan ven vịnh.
8	Phân khu 8 -Khu cảnh quan sinh thái đồi núi phía Tây	7.382,43	5.000	- Là khu vực bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước mặt của đô thị. - Là khu vực phát triển du lịch khám phá, du lịch dưới tán rừng. - Là vùng đệm kết nối du lịch với Khánh Sơn và các vùng du lịch lớn như Ninh Thuận, Đà Lạt.
9	Phân khu 9 -Vùng bảo vệ quốc phòng an ninh	7.491,34	10.000	- Là khu vực an ninh - quốc phòng thuộc Vùng 4. - Là khu vực có chức năng cảng quốc tế quân sự kết hợp dân sự dưới sự quản lý của Hải quân Vùng 4.

6.2. Các chương trình kế hoạch ưu tiên thực hiện

6.2.1. Các nhiệm vụ về lĩnh vực quy hoạch đô thị

Đối với nhiệm vụ liên quan đến công tác quản lý nhà nước về quy hoạch đô thị đã được phê duyệt trước đây (quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị) cần tiến hành rà soát, điều chỉnh hoặc lập mới đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển thực tế của thành phố, trong đó tập trung lập, trình phê duyệt:

- Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phân khu 1;
- Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phân khu 2;
- Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phân khu 3;
- Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phân khu 4;
- Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phân khu 5;
- Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phân khu 6;
- Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phân khu 7;
- Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phân khu 8;
- Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phân khu 9;
- Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 cụm công nghiệp Cam Thịnh Đông;
- Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 khu công nghiệp Nam Cam Ranh;
- Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 cụm công nghiệp Cam Thành Nam;
- Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 cụm công nghiệp Cam Phước Đông;

- Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 các khu chức năng phát triển công nghiệp, du lịch, logistics.

6.2.2. Các nhiệm vụ về lĩnh vực phát triển đô thị

- Lập hồ sơ đề xuất các khu vực phát triển đô thị trên cơ sở các quy hoạch phân khu đã được phê duyệt (theo Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị và Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng);

- Sớm trình phê duyệt Quy chế quản lý kiến trúc thành phố; lập, phê duyệt thiết kế đô thị các tuyến đường đặc thù, tuyến đường trục chính các khu đô thị, các tuyến đường ven biển.

- Rà soát, lập báo cáo đánh giá trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị đối với các khu vực dự kiến thành lập mới phường (giai đoạn 2026 – 2030) trình Cơ quan thẩm quyền công nhận.

Trên cơ sở các đề xuất trên, để triển khai kế hoạch phát triển các khu vực phát triển đô thị, Chương trình tổng hợp một số chương trình, nhiệm vụ ưu tiên thực hiện theo giai đoạn cụ thể như sau:

Tổng hợp chương trình, nhiệm vụ thành phố Cam Ranh ưu tiên thực hiện trong giai đoạn đến năm 2030

TT	Tên chương trình/đề án	Quy mô (ha)	Kinh phí dự kiến (triệu đồng)	Nguồn vốn	Giai đoạn triển khai
1	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phân khu 1	2.805,1	4.453,79	NSNN và vốn khác	2024 - 2025
2	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phân khu 2	2.934,74	4.575,66		2024 - 2025
3	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phân khu 3	2.176,51	3.862,92		2024 - 2025
4	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phân khu 4	2.200,20	3.885,19		2024 - 2025
5	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phân khu 5	2.435,24	4.106,13		2024 - 2025
6	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phân khu 6	2.995,68	4.632,94		2024 - 2025
7	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phân khu 7	3.287,53	4.821,31		2024 - 2025
8	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phân khu 8	7.382,43	5.919		2024 - 2025

TT	Tên chương trình/đề án	Quy mô (ha)	Kinh phí dự kiến (triệu đồng)	Nguồn vốn	Giai đoạn triển khai
9	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phân khu 9	7.491,34	5.919		2024 - 2025
10	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 cụm công nghiệp Cam Thịnh Đông	74,75	749,91		2024 - 2025
11	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 khu công nghiệp Nam Cam Ranh	352	1.499,79		2024 - 2025
12	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 cụm công nghiệp Cam Thành Nam	75	794,91		2024 - 2025
13	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 cụm công nghiệp Cam Phước Đông	60	794,91		2024 - 2025
14	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 các khu chức năng phát triển công nghiệp, du lịch, logistics	-	-		2024 - 2025
15	Báo cáo đánh giá trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị của khu vực dự kiến thành lập phường Cam Thành Nam, Cam Thịnh Đông, Cam Phước Đông, Cam Thịnh Tây, Cam Lập, Cam Bình.	-	3.000		2027 - 2028
16	Báo cáo đánh giá trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị của khu vực dự kiến thành lập quận Cam Ranh	-	3.000		2028 - 2029
TỔNG CỘNG		34.270,52	52.060,45		

Ghi chú: Thực hiện trên cơ sở phương án Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2045.

7. Các chương trình, đề án trọng tâm để từng bước thực hiện phát triển đô bền vững đô thị

UBND thành phố Cam Ranh triển khai thực hiện các đề án phát triển đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu và kịch bản nước biển dâng; đề án Chuyển đổi xanh và đề án Đô thị thông minh thành phố Cam Ranh. Nội dung cụ thể về tiến độ thực hiện, nguồn lực, đánh giá kết quả tuân thủ theo các quyết định phê duyệt cụ thể của từng đề án.

8. Dự án phát triển đô thị

Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật khung, công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách và nguồn vốn ngoài ngân sách được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên cho từng giai đoạn hàng năm, 5 năm và 10 năm. Danh mục cụ thể tại phụ lục IV và phụ lục IV – Phần C Phụ lục của hồ sơ Chương trình phát triển đô thị thành phố Cam Ranh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Tên, vị trí, quy mô, diện tích, mục đích đầu tư, tổng mức đầu tư của các dự án/nhóm dự án/khu vực phát triển dự án sẽ được chủ đầu tư xác định chính thức trong giai đoạn lập và trình phê duyệt dự án đầu tư, đảm bảo thực hiện theo yêu cầu của cơ quan thẩm quyền.

Danh mục các dự án sẽ được rà soát, cập nhật, điều chỉnh và bổ sung định kỳ hàng năm và giai đoạn 5 năm theo quy định của pháp luật.

Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện các dự án đầu tư xây dựng/chương trình/đề án phục vụ phát triển đô thị đến năm 2030 dự kiến khoảng 212.065 tỷ đồng (nguồn vốn đầu tư toàn xã hội), trong đó:

- Giai đoạn đến năm 2025 là 3.201 tỷ đồng:
 - + Ngân sách Trung ương là 2.107,4 tỷ đồng;
 - + Ngân sách tỉnh Khánh Hòa là 687 tỷ đồng;
 - + Ngân sách thành phố là 361,4 tỷ đồng;
 - + Nguồn vốn khác là 45 tỷ đồng.
- Giai đoạn 2026 - 2030 là 208.864 tỷ đồng:
 - + Ngân sách Trung ương là 6.688,3 tỷ đồng;
 - + Ngân sách tỉnh Khánh Hòa là 13.453,3 tỷ đồng (được xác định cụ thể trong kế hoạch đầu tư công của tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2026 – 2030);
 - + Ngân sách thành phố là 1.335 tỷ đồng (được xác định cụ thể trong kế hoạch đầu tư công của thành phố giai đoạn 2026 – 2030);
 - + Nguồn vốn khác là 187.387,6 tỷ đồng.

9. Giải pháp thực hiện hiệu quả Chương trình

Gồm 6 nhóm giải pháp thực hiện hiệu quả chương trình

- Nhóm giải pháp về phát triển nguồn lực;
- Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển đô thị;
- Nhóm giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị, nông thôn;
- Nhóm giải pháp về phát triển nhà ở, thị trường bất động sản;
- Nhóm giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị;
- Nhóm giải pháp về triển khai thực hiện hiệu quả các đề án phát triển bền

vững đô thị.

10. Tổ chức thực hiện

10.1. Sở Xây dựng

Là cơ quan tham mưu thường trực cho UBND tỉnh trong việc theo dõi, đánh giá việc thực hiện chương trình của thành phố Cam Ranh hàng năm. Kiểm tra giám sát thực hiện các dự án thuộc chương trình tổng hợp tình hình thực hiện và định kỳ báo cáo UBND tỉnh. Trên cơ sở đó tiến hành rà soát, kiến nghị điều chỉnh, bổ sung kịp thời các nội dung chương trình phát triển đô thị cho phù hợp với thực tiễn. Hướng dẫn địa phương trong công tác sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện chương trình phát triển đô thị.

10.2. Sở Nội vụ

Phối hợp với UBND thành phố Cam Ranh tham mưu cơ quan thẩm quyền trong việc tổ chức, sắp xếp đơn vị hành chính đô thị cấp xã; hoàn thiện hệ thống tổ chức, bộ máy quản lý và phát triển đô thị trên địa bàn để thực hiện có hiệu quả các nội dung Chương trình phát triển đô thị đã đề ra.

10.3. Các sở, ban, ngành liên quan

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, các Sở, ban, ngành có liên quan hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra địa phương thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực của từng Sở, Ban, ngành quản lý; đồng thời tham gia huy động nguồn lực để phát triển kết cấu hạ tầng đô thị.

10.4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân thành phố Cam Ranh

Triển khai thực hiện Chương trình này đối với những nội dung liên quan đến địa bàn mình quản lý.

Đề xuất các dự án trọng điểm đưa vào chương trình Nghị quyết Hội đồng nhân dân hàng năm, làm cơ sở thực hiện kế hoạch nâng cấp đô thị trên địa bàn.

Triển khai công bố rộng rãi tại các xã, phường và nhân dân thành phố Cam Ranh về các nội dung trong Chương trình Phát triển đô thị thành phố Cam Ranh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được phê duyệt.

Phát huy các tiềm năng lợi thế, huy động nguồn lực để thúc đẩy phát triển kinh tế của thành phố.

Quản lý chặt chẽ việc sử dụng đất, bảo đảm đúng quy hoạch, quy định.

11. Kết luận và kiến nghị

Chương trình phát triển đô thị Cam Ranh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã đề xuất các chỉ tiêu phát triển đô thị theo quy định tại Thông tư số 06/2023/TT-BXD phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển đô thị của tỉnh. Nội dung Chương trình tuân thủ quy định tại Điều 3a Nghị định số 11/2013/NĐ-CP, được bổ sung tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 06/2023/TT-BXD của Bộ Xây dựng.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua Chương trình phát triển đô thị thành phố Cam Ranh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 3a Nghị định số 11/2013/NĐ-CP để làm cơ sở tổ chức thực hiện./.

Dính kèm Tờ trình này là Hồ sơ Chương trình phát triển đô thị thành phố Cam Ranh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, bao gồm:

- *Thuyết minh Chương trình (gồm báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt).*
- *Phụ lục báo cáo.*
- *Sơ đồ, bản vẽ.*
- *Bảng tổng hợp, giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định của các sở, ban ngành, và cơ quan chuyên môn tỉnh Khánh Hòa.*
- *Dự thảo Nghị quyết thông qua Chương trình.*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Xây dựng;
- UBND TP. Cam Ranh;
- Lưu: VT, TV, TP

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tấn Tuân

Số: /NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về Chương trình phát triển đô thị thành phố Cam Ranh
đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
KHÓA ..., KỲ HỌP THỨ ...**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 02/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/06/2009;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Nghị quyết số 117/NQ/CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ về việc ban hành kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai

đoạn 2023-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 21/3/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị;

Căn cứ Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11/11/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định 376/QĐ-TTg ngày 04/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 29/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BXD ngày 08/9/2023 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về chương trình phát triển đô thị;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày .. tháng .. năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /BC-BKTNS ngày tháng năm 2025 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Chương trình phát triển đô thị thành phố Cam Ranh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (đính kèm Chương trình).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện phê Chương trình phát triển đô thị thành phố Cam Ranh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa khoá ..., nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính Phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Nội vụ, Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh uỷ;
- ĐUK các cơ quan, ĐUK doanh nghiệp;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể;
- HĐND, UBND thành phố Cam Ranh;
- Lưu: VT, ĐN.

CHỦ TỊCH

CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ CAM RANH ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

I. Mục tiêu chương trình

– Cụ thể hóa định hướng phát triển hệ thống đô thị theo Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2045 và phù hợp với các chủ trương chính sách của tỉnh cũng như của thành phố.

– Đảm bảo sự phát triển của đô thị đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng là đô thị du lịch - logistics. Nâng cao chất lượng sống người dân đô thị, thông qua việc tập trung nguồn lực hợp lý để xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị và hạ tầng xã hội đô thị, kiến trúc cảnh quan phù hợp, đồng bộ, từng bước hiện đại và bền vững; đảm bảo tính kết nối giữa các khu vực trong đô thị theo quy hoạch được duyệt.

– Tạo cơ sở huy động nguồn lực đầu tư xây dựng phát triển đô thị tập trung, đúng lộ trình; đảm bảo nâng cao chất lượng, diện mạo kiến trúc cảnh quan đô thị theo hướng hiện đại, văn minh bền vững và giữ gìn những giá trị bản sắc văn hóa địa phương, tinh hoa đô thị.

– Rà soát tổng thể các tiêu chí về kinh tế – xã hội và hạ tầng đô thị, từ đó xây dựng kế hoạch, lộ trình khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn còn thiếu, chưa đạt chuẩn, đề xuất giải pháp huy động nguồn lực để đầu tư xây dựng phát triển hệ thống hạ kỹ thuật và hạ tầng xã hội và nâng cao tỷ lệ đô thị hóa trên địa bàn thành phố.

II. Nội dung chương trình

Chương trình phát triển đô thị thành phố Cam Ranh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được xây dựng trên cơ sở triển khai rà soát tổng thể các tiêu chí, tiêu chuẩn về kinh tế – xã hội và hạ tầng đô thị, từ đó xây dựng kế hoạch, lộ trình khắc phục những tiêu chí còn thiếu, chưa đạt chuẩn, đề xuất giải pháp huy động nguồn lực để đầu tư xây dựng phát triển hệ thống hạ tầng, phát huy vai trò động lực của thành phố, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trên cơ sở lợi thế về vị trí, tài nguyên, đất đai..., để đảm bảo mục tiêu:

– Đến năm 2025: thành phố Cam Ranh phấn đấu cơ bản đạt một số tiêu chí, tiêu chuẩn của đô thị loại II theo Kế hoạch nâng loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 – 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

– Giai đoạn 2026 - 2030: thành phố Cam Ranh hoàn thiện tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại II, làm cơ sở phấn đấu đạt tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị áp dụng đối với khu vực dự kiến thành lập quận (sau đây viết tắt là tiêu chuẩn quận); toàn bộ đơn vị hành chính trực thuộc phấn đấu đạt tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị áp dụng đối với khu vực dự kiến

thành lập phường thuộc quận (sau đây viết tắt là tiêu chuẩn phường).

- Đến năm 2030: thành lập quận Cam Ranh thuộc thành phố Khánh Hòa trực thuộc Trung ương.

- Giai đoạn sau năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: Cam Ranh hoàn thiện 100% tiêu chuẩn quận; tận dụng lợi thế các đầu mối giao thông về đường biển, hàng không, đường sắt và đường bộ để trở thành trung tâm Logistics và hậu cần cho toàn bộ khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Chương trình phát triển đô thị thành phố Cam Ranh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 là cơ sở pháp lý cho các công tác quản lý xây dựng và triển khai tiếp công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng đô thị theo quy hoạch. Tạo cơ hội thuận lợi cho các chương trình phát triển, các dự án đầu tư, sử dụng hợp lý các nguồn lực đảm bảo phát triển bền vững lâu dài.

1. Chỉ tiêu phát triển đô thị của thành phố Cam Ranh

Tổng hợp các chỉ tiêu phát triển đô thị Cam Ranh theo từng giai đoạn

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu quận	Hiện trạng năm 2023	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Đến năm 2040
1	Mật độ dân số toàn đô thị (**)	người/km ²	≥ 2.000 1.260	-	764	≥ 825	≥ 1.260	≥ 2.000
2	Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị khu vực nội thành (**)	người/km ²	≥ 10.000 8.000	-	3.497	≥ 3.542	≥ 3.750	≥ 5.520
3	Tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên diện tích đất tự nhiên toàn đô thị (**)	%	-	-	16,58	18,09	24,9	43,48
4	Diện tích nhà ở bình quân đầu người (**)	m ² sàn/người	≥ 32 28	-	28,33	29	≥ 32	≥ 32
5	Đất cây xanh toàn đô thị bình quân đầu người (**)	m ² /người	≥ 10 7	-	15,4	> 15,4	> 15,4	> 15,4
6	Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đô thị (**)	%	≥ 22 15	-	21,23	≥ 21	≥ 21	≥ 22
7	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt tiêu chuẩn kỹ thuật khu vực nội thành (*)(**)	%	≥ 40 20	≥ 20	0	0	≥ 20	> 40
8	Thu nhập bình quân đầu người/tháng so với trung bình cả nước (*)	lần	$\geq 1,75$ 1,4	$\geq 1,05$	0,93	1,4	1,65	$\geq 1,75$

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu quận	Hiện trạng năm 2023	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Đến năm 2040
9	Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ	%	Tăng vượt so với mục tiêu đề ra từ 4% trở lên Tăng theo mục tiêu đề ra	-	Không đạt mục tiêu đề ra	Tăng vượt so với mục tiêu đề ra từ 4% trở lên	Tăng vượt so với mục tiêu đề ra từ 4% trở lên	Tăng vượt so với mục tiêu đề ra từ 4% trở lên
10	Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế (*)	%	-	≥ 90	82,78	90	≥ 90	≥ 90
11	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 03 năm gần nhất (*)	%	≥ 9,00 8,0	Đạt bình quân của Khánh Hòa (hiện trạng đạt 7,7%)	4,00	≥ 8	giữ ổn định ≥ 9,0	giữ ổn định ≥ 9,0
12	Tỷ lệ tăng dân số	%	≥ 1,80 1,4	-	0,54	0,7	≥ 1,2	≥ 1,4
13	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị	%	≥ 70 65	-	57,25	65	≥ 90	≥ 90
14	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thành (*)	%	≥ 85 80	≥ 90	63,94	≥ 90	≥ 90	≥ 90
15	Cơ sở y tế cấp đô thị bình quân trên 10.000 dân	giường /10.000 dân	≥ 40 28	-	22,35	28	≥ 32	≥ 32
16	Cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị (*)	cơ sở	≥ 20 10	≥ 7	5	5	≥ 10	≥ 10
17	Trường THPT đạt chuẩn quốc gia (*)	%	-	Đáp ứng ≥ 60%	1/3 trường đạt chuẩn	2/3 trường đạt chuẩn	giữ ổn định tỷ lệ ≥ 60%	giữ ổn định tỷ lệ ≥ 60%
18	Công trình thể dục, thể thao cấp đô thị	công trình	≥ 7 5	-	2	3	≥ 5	≥ 7
19	Mật độ đường giao thông đô thị (tính đến đường có chiều rộng phần xe chạy từ 14m trở lên)	km/km ²	≥ 8 6	-	1,53	3,02	≥ 7	≥ 8
20	Mật độ đường giao thông đô thị (tính đến đường có chiều rộng phần xe chạy từ 6m trở lên) (*)	km/km ²	-	≥ 5	2,96	3,64	≥ 5	≥ 5

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu quận	Hiện trạng năm 2023	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Đến năm 2040
21	Tỷ lệ ngõ, ngách, hẻm được chiếu sáng (*)	%	≥ 90	-	70	≥ 80	≥ 90	≥ 90
			80					
22	Mật độ đường công thoát nước chính	%	≥ 4,5	-	2,36	2,75	≥ 4,5	≥ 4,5
			4					
23	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh (*)	%	100	≥ 90	87	≥ 95	100	Duy trì 100%
			95					
24	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom (*)	%	100	≥ 90	89,4	90	100	100
			90					
25	Nhà tang lễ	cơ sở	≥ 4	-	0	3	4	≥ 4
			2					
26	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng (*)	%	≥ 30	≥ 30	0	5	≥ 30	≥ 30
			15					
27	Đất cây xanh sử dụng công cộng khu vực nội thành, nội thị bình quân đầu người	m ² /người	≥ 6	-	0,34	1	≥ 5	≥ 5
			5					
28	Đất cây xanh công cộng trên địa bàn quận bình quân đầu người (*)	m ² /người	-	≥ 4	0,87	≥ 1	≥ 5	≥ 5
29	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị (*)	%	≥ 50	≥ 40	0	0	≥ 40	≥ 50
			40					
30	Công trình xanh (*)	công trình	Có 02 công trình xanh	Có ≥ 01 công trình xanh đang làm hồ sơ cấp GCN hoặc đã được cấp GCN	0	0	Có 02 công trình	≥ 02 công trình
			Có 01 công trình xanh					
31	Cơ sở vật chất văn hóa	%	≥ 80	-	66,66	100	Không có khu vực ngoại thành	Không có khu vực ngoại thành
			70					
32	Nhà ở dân cư	%	100	-	66,66	100	Không có khu vực ngoại thành	Không có khu vực ngoại thành
			70					

Ghi chú: Bảng được lồng ghép các tiêu chuẩn của tiêu chí đô thị loại II với các tiêu chuẩn áp dụng đối với khu vực dự kiến thành lập quận (được đánh dấu *) và các chỉ tiêu phát triển đô thị được quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 06/2023/TT-BXD (Kí hiệu **)

2. Định hướng sắp xếp, điều chỉnh đơn vị hành chính phường, xã thuộc thành phố Cam Ranh

Thực hiện theo Nghị quyết số 1196/NQ-UBTVQH15 ngày 28/9/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2023-2025; theo đó đến 2025, thành phố Cam Ranh không thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã.

Giai đoạn 2026 - 2030 các xã ngoại thành phần đầu thành lập phường; đến năm 2030, phần đầu thành lập quận Cam Ranh thuộc thành phố Khánh Hòa trực thuộc Trung ương.

III. Dự kiến nhu cầu kinh phí, nguồn vốn

Danh mục cụ thể tại phụ lục IV và phụ lục V - Phần C Phụ lục của hồ sơ Chương trình phát triển đô thị thành phố Cam Ranh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện các dự án đầu tư xây dựng/chương trình/đề án phục vụ phát triển đô thị đến năm 2030 dự kiến khoảng 212.065 tỷ đồng (nguồn vốn đầu tư toàn xã hội), trong đó:

- Giai đoạn đến năm 2025 là 3.201 tỷ đồng:
 - + Ngân sách Trung ương là 2.107,4 tỷ đồng;
 - + Ngân sách tỉnh Khánh Hòa là 687 tỷ đồng;
 - + Ngân sách thành phố là 361,4 tỷ đồng;
 - + Nguồn vốn khác là 45 tỷ đồng.
- Giai đoạn 2026 - 2030 là 208.864 tỷ đồng:
 - + Ngân sách Trung ương là 6.688,3 tỷ đồng;
 - + Ngân sách tỉnh Khánh Hòa là 13.453,3 tỷ đồng (được xác định cụ thể trong kế hoạch đầu tư công của tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2026 - 2030);
 - + Ngân sách thành phố là 1.335 tỷ đồng (được xác định cụ thể trong kế hoạch đầu tư công của thành phố giai đoạn 2026 - 2030);
 - + Nguồn vốn khác là 187.387,6 tỷ đồng.

IV. Giải pháp thực hiện hiệu quả Chương trình

Gồm 6 nhóm giải pháp thực hiện hiệu quả chương trình

- Nhóm giải pháp về phát triển nguồn lực;
- Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển đô thị;
- Nhóm giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị, nông thôn;

- Nhóm giải pháp về phát triển nhà ở, thị trường bất động sản;
- Nhóm giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị;
- Nhóm giải pháp về triển khai thực hiện hiệu quả các đề án phát triển bền vững đô thị.

V. Thời gian thực hiện: từ năm 2024 đến năm 2045./.